CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cao su Công nghiệp

Ngày 30/06/2025	8,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.6%	**2.6%**	**0.1%**

DT thuần
Q2/25
3.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.89| 996%
YoY: ▼11.3| -78.1%

LN thuần
Q2/25
-3.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.02| -111%
YoY: ▼7.34| -210%

LN sau thuế
Q2/25
-3.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.97| -108%
YoY: ▼7.64| -199%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-119%
YoY: +/-▲ 510%

ROE (TTM)
Q2/25
4.4%
YoY: +/-▼ 4.3%

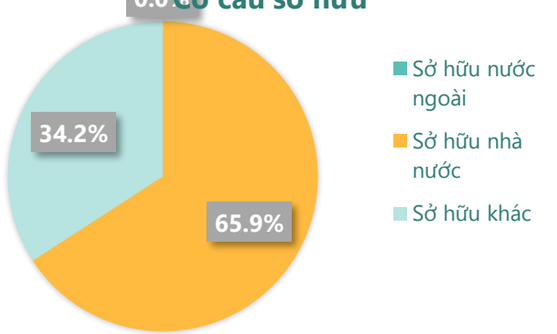
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,984 - 7,995
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	140
Số lượng CPLH (CP)	17,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.00)
EPS	447
P/E	17.9

DT thuần
6T 2025
3.47
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.6| -82.8%

LN thuần
6T 2025
-5.66
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.56| -5725%

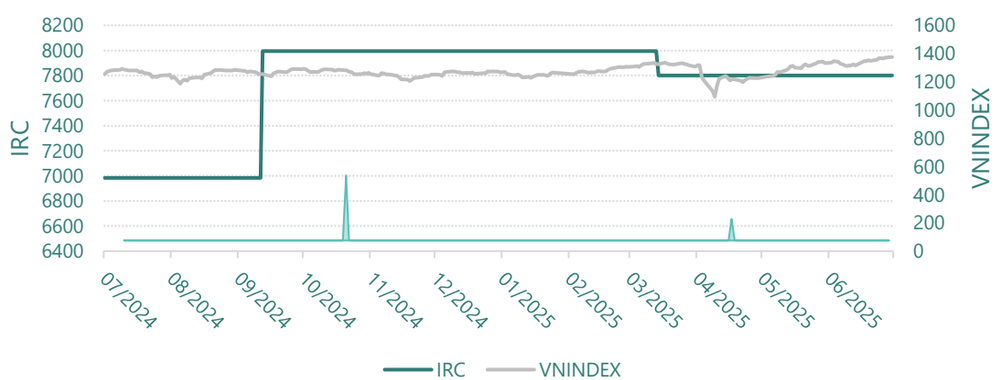
LN sau thuế
6T 2025
-5.62
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.97| -1689%

Cơ cấu sở hữu

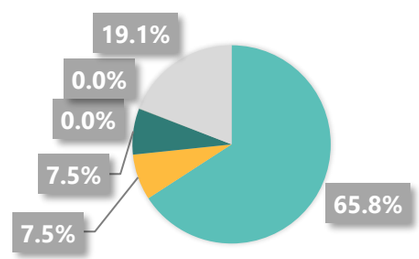


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

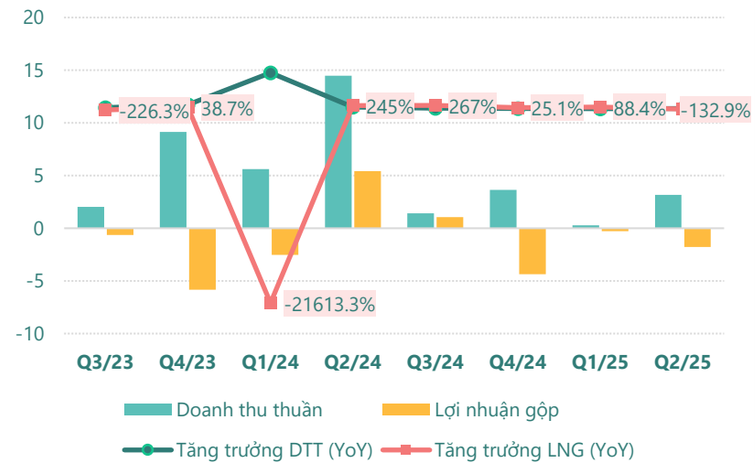


- Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - TNHH MTV
- CTCP Tập đoàn Capella
- CTCP Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc
- Nguyễn Đăng Tấn (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thái Nguyên (Thành viên HĐQT)

(Nguồn: fireant.vn)

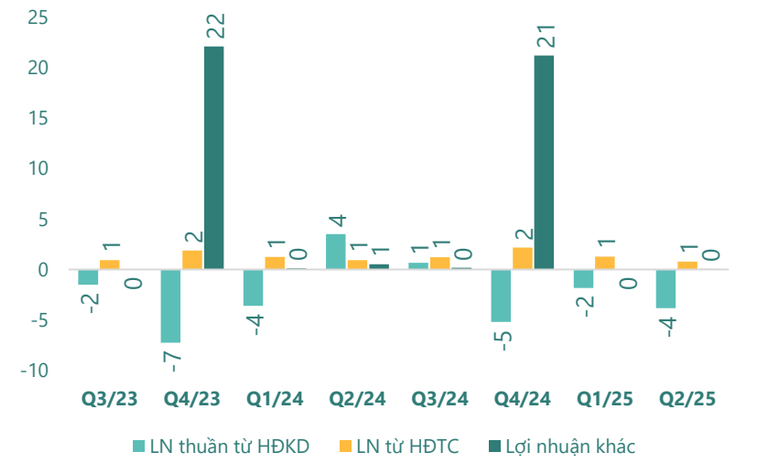
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



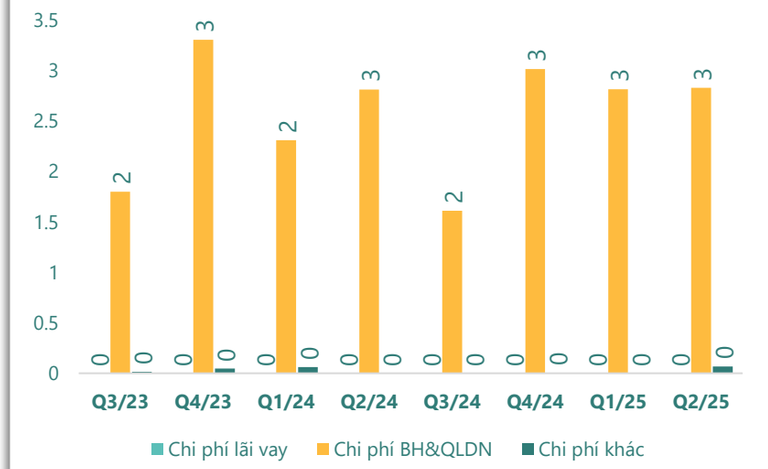
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



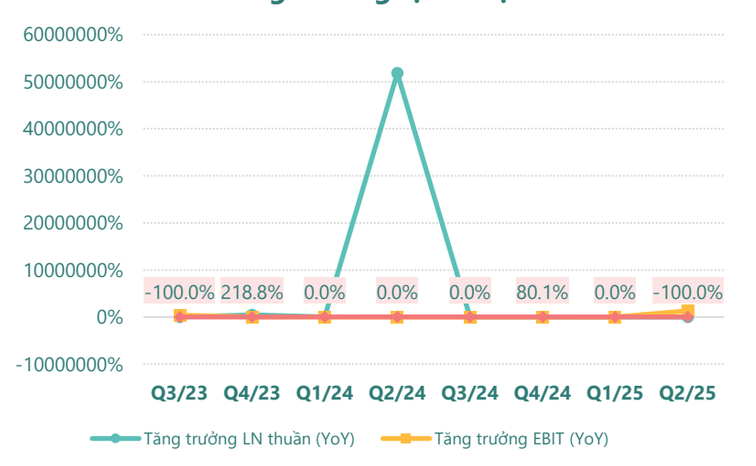
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



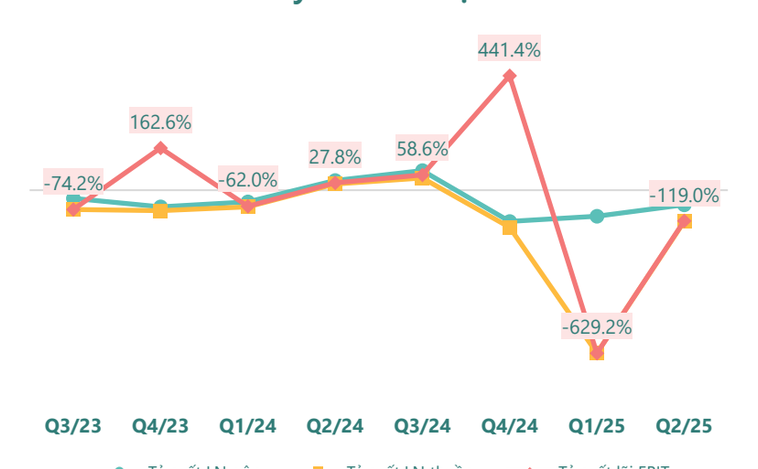
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



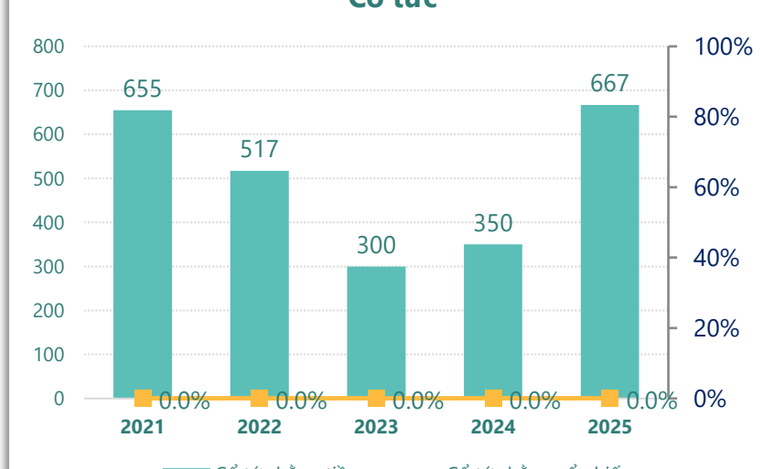
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



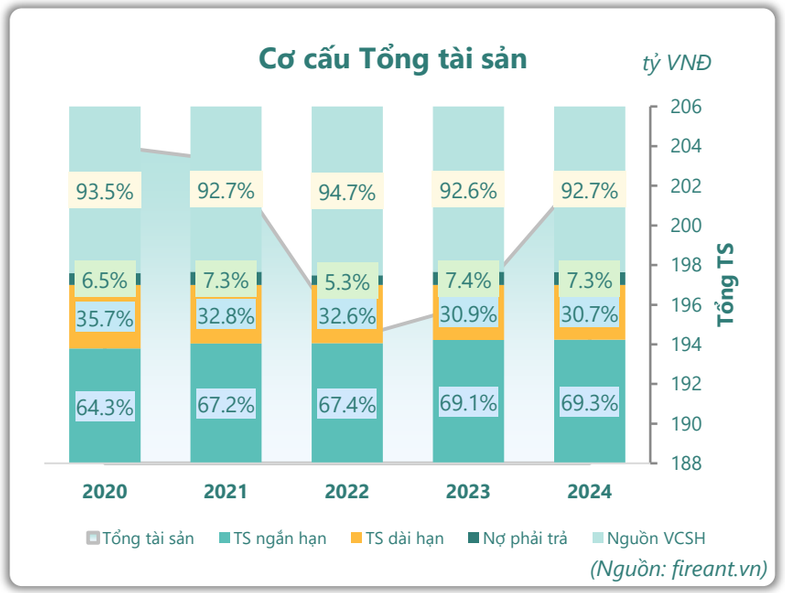
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

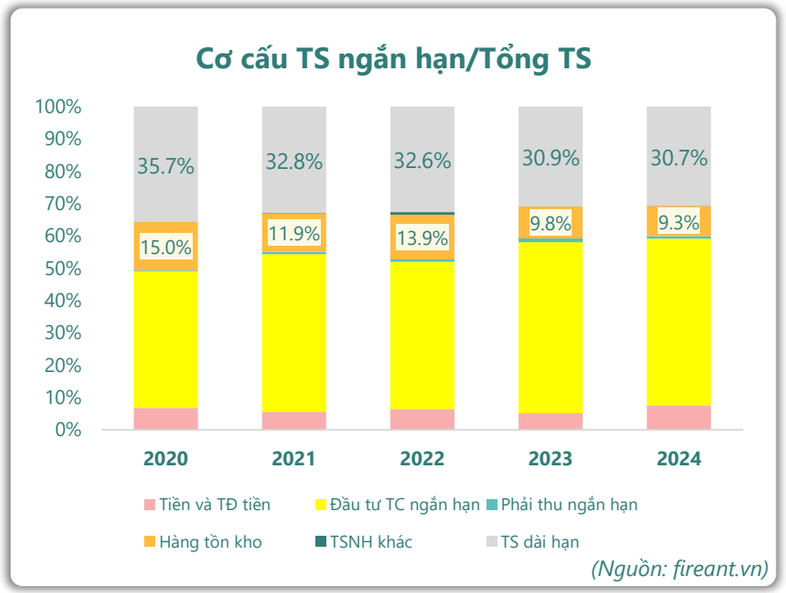


(Nguồn: fireant.vn)

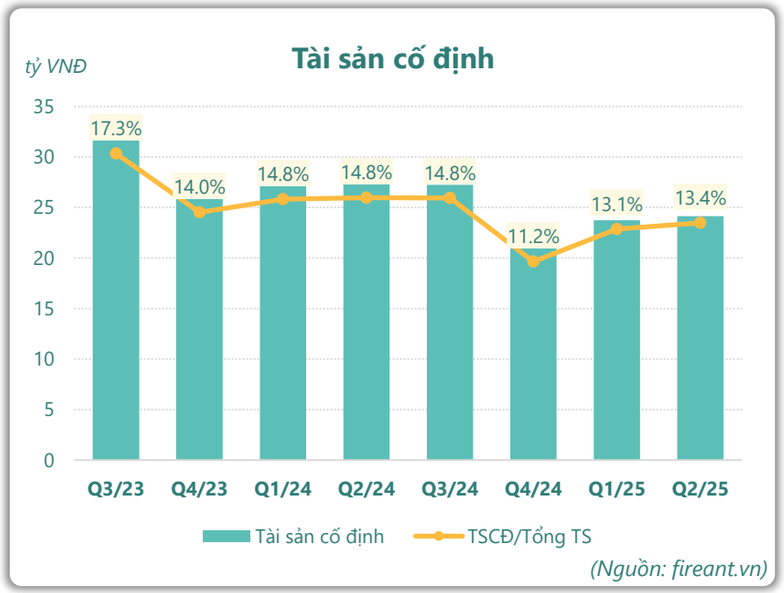
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



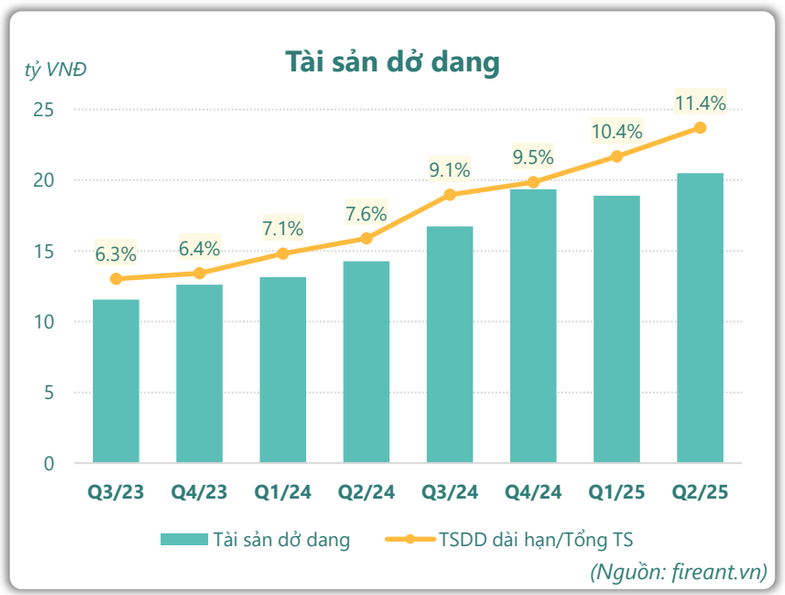
(Nguồn: fireant.vn)



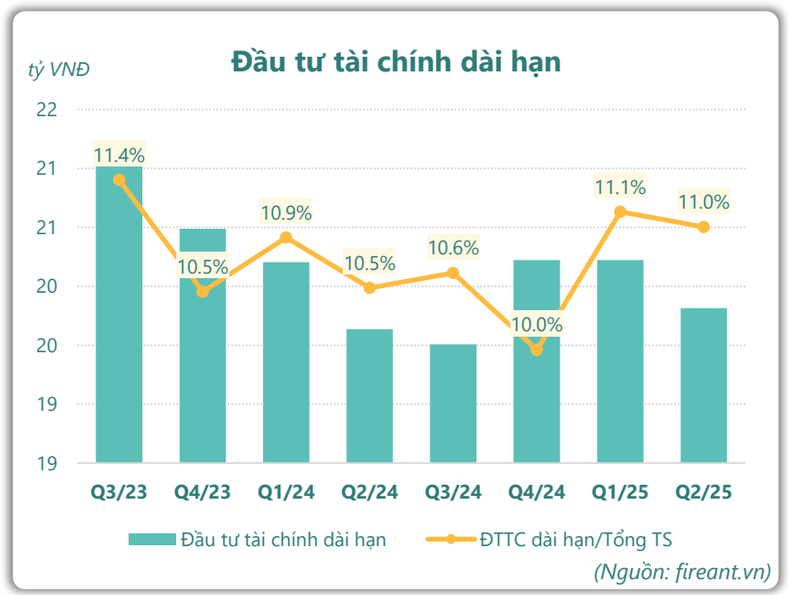
(Nguồn: fireant.vn)



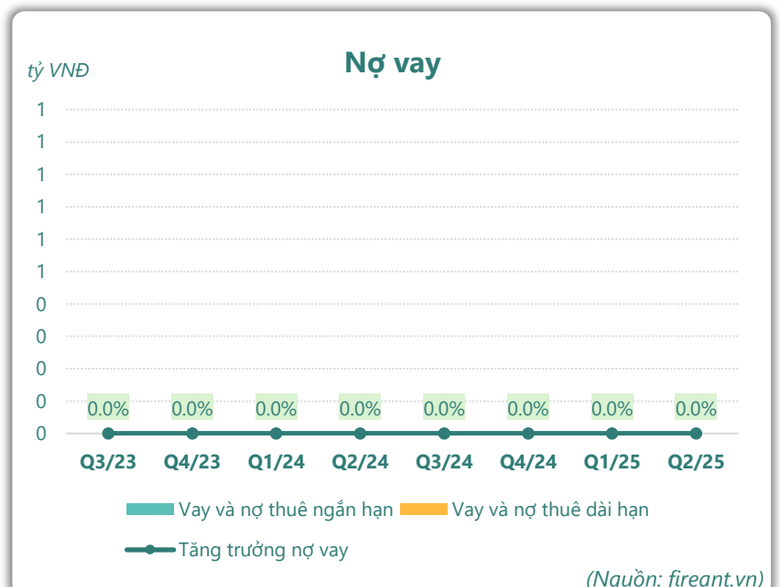
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



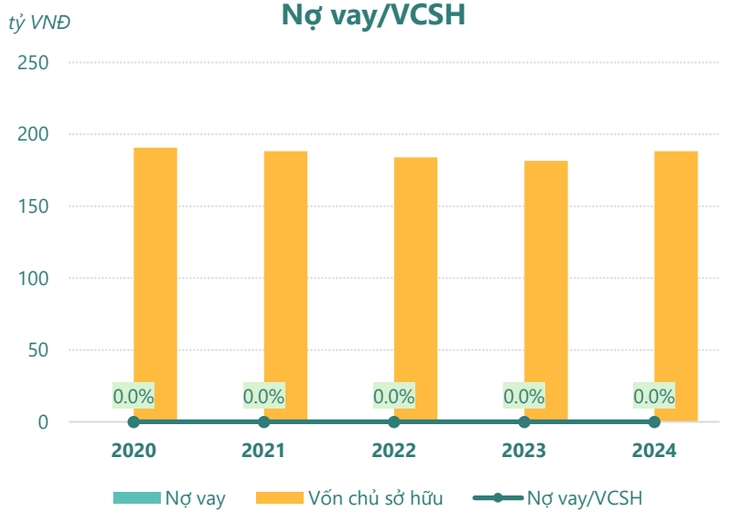
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

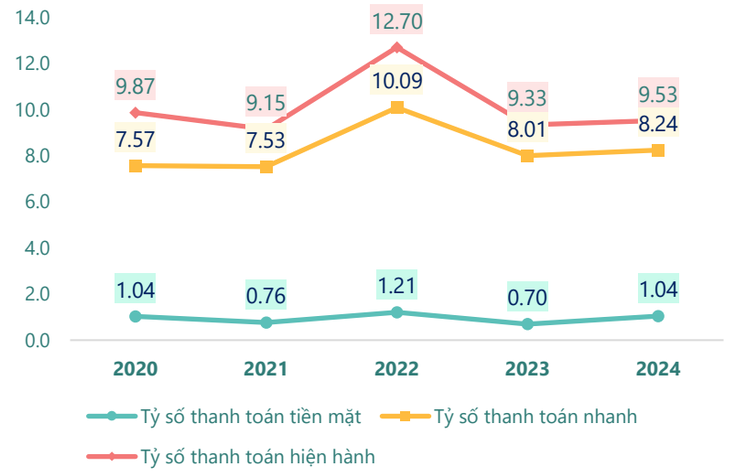
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



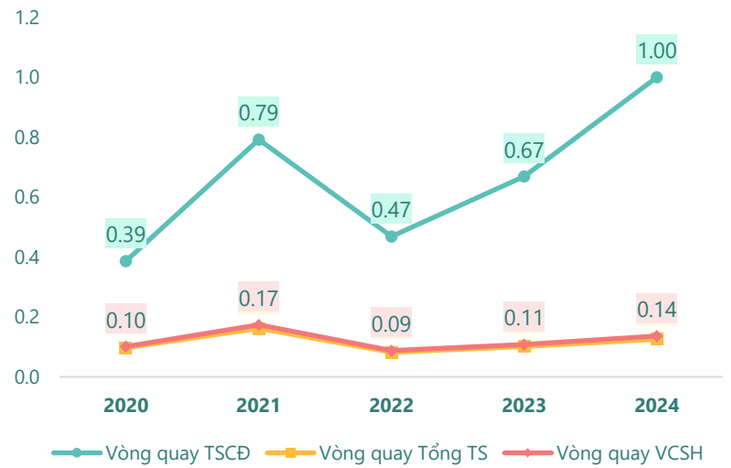
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



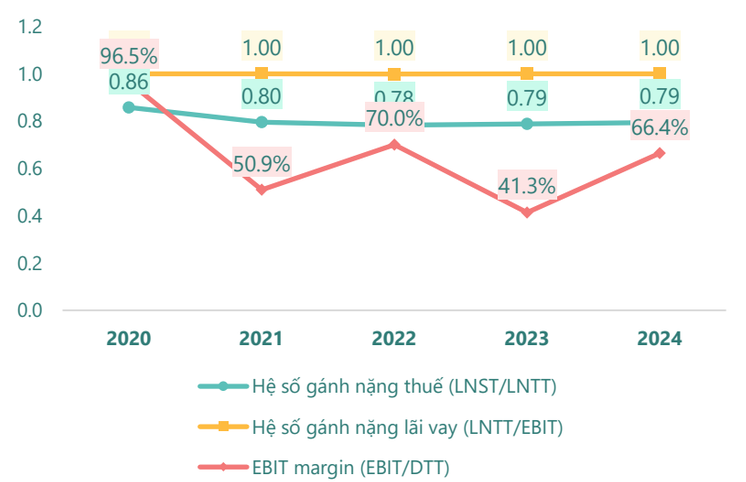
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



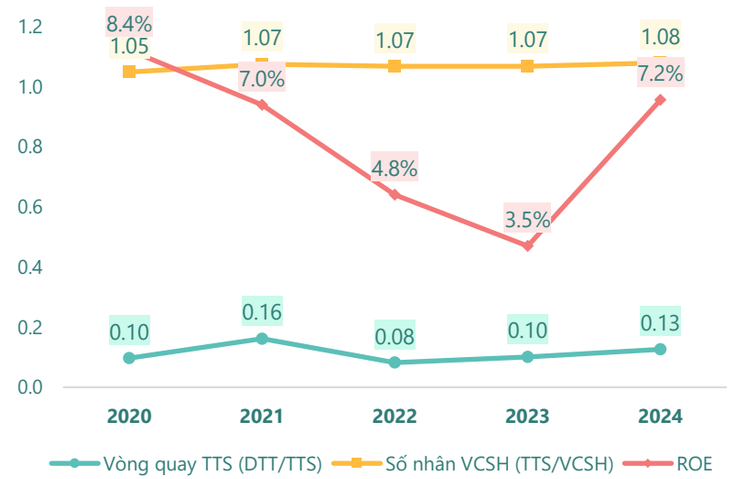
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



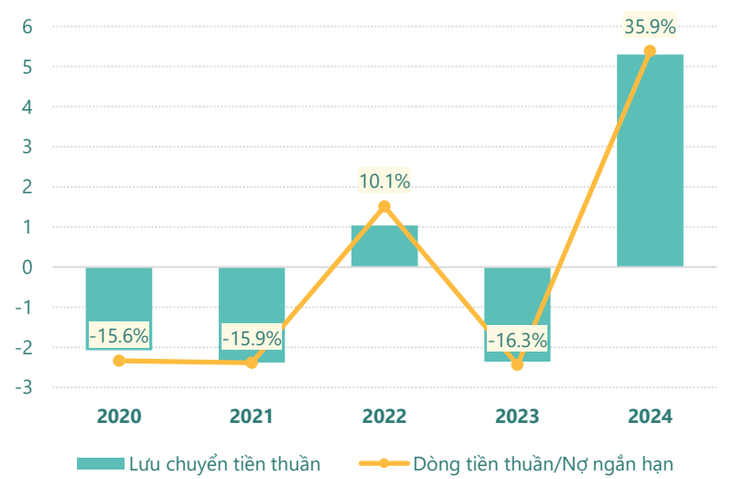
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3.18**	**14.5**	**-78.1%**	**3.47**	**20.1**	**-82.8%**
Giá vốn hàng bán	4.95	9.08	-45.4%	5.54	17.2	-67.9%
Lợi nhuận gộp	-1.78	5.40	-133%	-2.07	2.87	-172%
Doanh thu HĐTC	1.18	1.49	-20.6%	2.47	3.01	-18.0%
Chi phí TC	0.41	0.57	-28.3%	0.41	0.85	-52.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.00	0.04	-94.4%	0.00	0.06	-96.1%
Chi phí QLDN	**2.83**	**2.77**	**2.2%**	**5.65**	**5.07**	**11.4%**
LN thuần từ HĐKD	-3.84	3.50	-210%	-5.66	-0.10	-5725%
Lợi nhuận khác	**0.05**	**0.52**	**-89.4%**	**0.05**	**0.63**	**-91.6%**
LN trước thuế	-3.78	4.02	-194%	-5.61	0.54	-1143%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.80**	**3.84**	**-199%**	**-5.62**	**0.35**	**-1689%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.80**	**3.84**	**-199%**	**-5.62**	**0.35**	**-1689%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.77	6.72	-15.1	16.8	-17.5	-1.78
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.98	-4.25	7.07	-3.12	13.9	1.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	-8.75	0
Tiền đầu kỳ	10.1	7.30	9.76	1.68	15.4	3.03
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.80**	**2.46**	**-8.08**	**13.7**	**-12.4**	**-0.18**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.30	9.76	1.68	15.4	3.03	2.85

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**180**	**203**	**-11.3%**
Tài sản ngắn hạn	115	141	-17.9%
Tiền và tương đương tiền	2.85	15.4	-81.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.2	105	-15.7%
Phải thu ngắn hạn	3.22	1.62	99.0%
Hàng tồn kho	19.8	19.0	4.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.41	0.05	3006%
Tài sản dài hạn	**64.6**	**62.4**	**3.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	24.1	22.8	6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.5	19.4	5.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	19.8	20.2	-2.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.16**	**0.02**	**702%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7.80	14.8	-47.2%
Nợ ngắn hạn	**7.80**	**14.8**	**-47.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.96	1.29	52.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**172**	**188**	**-8.5%**
Vốn chủ sở hữu	**172**	**188**	**-8.5%**
Vốn điều lệ	175	175	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)